TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂN HƯNG
TỈNH LONG AN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 18/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 06-6-2022
V/v tranh chấp "Ly hôn và nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN HƯNG – TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Lê Chí Dũng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Chi.

2. Ông Trương Quang Trung.

***- Thư ký phiên toà*:** Bà Nguyễn Thị Lệ Thu, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Hưng, tỉnh Long An;

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Hưng, tỉnh Long An *tham gia phiên tòa*: Bà Nguyễn Thị Ngọc Huyền – Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Hưng, tỉnh Long An tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 24/2022/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 02 năm 2022 về tranh chấp "Ly hôn và nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 18/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 4 năm 2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Trương Thị M, sinh năm: 1992.

Địa chỉ: Ấp 3, xã Mỹ Q, huyện M, tỉnh T.

2. Bị đơn: Ông Lê Văn N, sinh năm: 1986.

Địa chỉ: Ấp 2, xã B, huyện H, tỉnh A.

(Bà M có mặt, ông N vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 26 tháng 01 năm 2022 và tại phiên tòa nguyên đơn bà Trương Thị M trình bày:

1. Về hôn nhân: Sau thời gian tìm hiểu bà và ông Lê Văn N đã tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện H vào ngày 14/7/2011. Thời gian đầu chung sống với nhau hạnh phúc, đến năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn.

Nguyên nhân mâu thuẫn do quan điểm sống không đồng thuận dẫn đến cự cãi, ông N thường xuyên uống rượu về chửi và xúc phạm bà, vợ chồng bà đã sống ly thân từ tháng 9 năm 2021 cho đến nay. Kể từ khi vợ chồng bà sống ly thân thì bà về xã Mỹ Q, huyện M, tỉnh T sinh sống, còn ông N sống tại ấp 2, xã B.

Bà M thấy tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài nên bà M yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với ông N.

2. *Về con chung:* Trong quá trình chung sống vợ chồng có một con chung tên Lê Minh Kh, sinh ngày 29/5/2011, giới tính: nam. Kể từ khi cuộc sống vợ chồng mâu thuẫn, sống ly thân thì ông N là người trực tiếp nuôi con. Nay bà M đồng ý giao con chung cho ông N tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc và bà cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 1.000.000 đồng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

3. Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về nợ chung: Không có nợ người khác hoặc người khác nợ vợ chồng.

Tòa án đã tiến hành mở phiên hòa giải giữa các đương sự nhưng không tiến hành hòa giải được.

Các bên đương sự xác định đã cung cấp đầy đủ chứng cứ cho Tòa án, không còn cung cấp thêm chứng cứ nào khác.

Bà Trương Thị M khởi kiện ông Lê Văn N về việc tranh chấp "Ly hôn và nuôi con", do Tòa án tiến hành thu thập chứng cứ nên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Hưng tham gia phiên tòa. Tại phiên tòa Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán là đúng theo quy định; Hội đồng xét xử đều đúng quy định của pháp luật; việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn đúng quy định của pháp luật, bị đơn chưa chấp hành đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án:

- Về hôn nhân: Vợ chồng bà M và ông N có đăng ký kết hôn tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền nên đây là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận. Nay bà M nhận thấy mối quan hệ giữa bà và ông N có rất nhiều mâu thuẫn, bất đồng không thể giải quyết được, đời sống hôn nhân không còn hạnh phúc. Hơn nữa, bà M và ông N đã sống ly thân từ tháng 9/2021 đến nay không có khả năng đoàn tụ nên yêu cầu của bà M về việc ly hôn với ông N là có căn cứ chấp nhận theo khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình.

- Về con chung: Bà M đồng ý giao con chung tên Lê Minh Kh, sinh ngày 29/5/2011, giới tính: nam cho ông N tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc. Xét thấy, từ khi bà M và ông N sống ly thân ông N là người trực tiếp nuôi con chung, bản thân bà M đồng ý giao con lại cho ông N chăm sóc và nuôi dưỡng. Do đó, yêu cầu của bà M là phù hợp theo khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 nên có căn cứ chấp nhận.

- Về cấp dưỡng: Bà M đồng ý cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng là 1.000.000 đồng cho đến khi đủ 18 tuổi nên ghi nhận.

- Về tài sản chung: Đương sự không yêu cầu giải quyết nên không đề cập đến.

- Về nợ chung: Không có nên không đề cập đến.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về thủ tục tố tụng:

Bà Trương Thị M khởi kiện yêu cầu được ly hôn với ông Lê Văn N và nuôi con chung, theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự thì quan hệ tranh chấp trong vụ kiện này là tranh chấp "Ly hôn và nuôi con" nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

Ông Lê Văn N trú tại ấp 2, xã B, huyện H. Do đó, căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tân Hưng.

Sau khi thụ lý vụ án Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng ông Lê Văn N không đến, Tòa án lập biên bản không tiến hành hòa giải được theo quy định tại khoản 1 Điều 207 Bộ luật Tố tụng dân sự và đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung.

Khi có quyết định đưa vụ án ra xét xử, Tòa án đã tống đạt hợp lệ cho ông N nhưng ông N vẫn vắng mặt nên Tòa án xét xử vắng mặt ông N theo quy định tại khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án:

[1] Về hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa bà M với ông N là hợp pháp. Quá trình chung sống do hai bên bất đồng quan điểm sống nên dẫn đến mâu thuẫn, mất lòng tin với nhau, vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 9 năm 2021 cho đến nay, việc sống ly thân có chính quyền địa phương xác nhận. Điều này chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa bà M với ông N đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên bà M yêu cầu được ly hôn là có căn cứ theo các Điều 51, 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2] Về con chung: Bà M và ông N có một con chung tên Lê Minh Kh, sinh ngày 29/5/2011, giới tính: nam. Bà M đồng ý giao con chung cho ông N được quyền trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc nên Hội đồng xét xử ghi nhận theo quy định tại các Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Về cấp dưỡng: Bà M đồng ý cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng là 1.000.000 đồng, thời gian cấp dưỡng kể từ tháng 6/2022 cho đến khi cháu Kh đủ 18 tuổi. Xét thấy việc cấp dưỡng là phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[4] Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề cập đến.

[5] Về nợ chung: Không có nên không đề cập đến.

[6] Về án phí: Áp dụng Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bà Trương Thị M phải chịu án phí Hôn nhân sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm đối với nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung.

Ông Lê Văn N không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 28, 35, 39, 147, 235 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Bà Trương Thị M được ly hôn với ông Lê Văn N.

2. Về con chung: Ông Lê Văn N được quyền tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc con chung tên Lê Minh Kh, sinh ngày 29/5/2011, giới tính: nam (cháu Kh đang sống chung với ông N).

Bà Trương Thị M không trực tiếp nuôi con nhưng được quyền đến thăm nom, chăm sóc, giáo dục con, không ai được quyền cản trở bà M thực hiện quyền này.

Vì lợi ích của con, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Về cấp dưỡng: Bà Trương Thị M có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung tên Lê Minh Kh, sinh ngày 29/5/2011, giới tính: nam mỗi tháng là 1.000.000 đồng, phương thức cấp dưỡng định kỳ hàng tháng, thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 6/2022 đến khi cháu Kh đủ 18 tuổi.

4. Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề cập đến.

5. Về án phí:

Bà Trương Thị M phải chịu án phí án 600.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm (hôn nhân sơ thẩm 300.000 đồng + 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm cấp dưỡng nuôi con = 600.000 đồng), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0003121 ngày 10 tháng 02 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Hưng, tỉnh Long An. Bà M còn phải nộp tiếp 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Ông Lê Văn N không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Lê Chí Dũng

Nơi nhận
- *TAND tỉnh;*
- *VKSND huyện/tỉnh;*
- *Chi cục THADS;*
- *UBND xã B;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu hồ sơ;*
- *Lưu án văn.*